

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 21-6-2022

V/V “Ly hôn giữa bà C, ông T,  
nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Bảo Trí.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Bích Tuyên.

Bà Nguyễn Thị Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HN ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hồng C. Địa chỉ: khu phố T, thị trấn V, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Minh T. Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-3-2022 và trong quá trình xét xử bà Trần Thị Hồng C là nguyên đơn trình bày:* Bà và ông Phạm Minh T chung sống với nhau từ năm 2020 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông T đánh bà gây 01 xương sườn bên phải. Bà và ông T không sống chung với nhau từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Trần Minh K, sinh ngày 22/11/2020, hiện con chung đang sống với bà, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản hòa giải ngày 17 tháng 5 năm 2022, ông Phạm Minh T là bị đơn trình bày:* Qua lời trình bày của bà C về điều kiện kết hôn là đúng và mâu thuẫn vợ chồng là đúng một phần, nay bà C yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về nuôi con chung: Ông đồng ý theo đề xuất của bà C.

Về tài sản chung: Cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Bà C yêu cầu ly hôn với ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Ông T vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà C và ông T không có đăng ký kết hôn nên không được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà C và ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà C yêu cầu ly hôn với ông T, ông T đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, do bà C và ông T chung sống với nhau nhưng vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định nên theo quy định tại các điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông T.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Trần Minh K, sinh ngày 22/11/2020 (hiện con đang sống với bà C), khi ly hôn bà C yêu cầu nuôi con chung, ông T đồng ý để bà C tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Minh K hiện đang sống cùng với bà C từ trước cho đến nay, cũng đã ổn định về mọi mặt, để giữ ổn định về mọi mặt cũng như điều kiện chăm sóc con chung và sự thống nhất về việc nuôi con chung của hai đương sự nên cần ghi nhận sự tự nguyện của đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 09, 14, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị Hồng C với ông Phạm Minh T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phạm Trần Minh K, sinh ngày 22/11/2020 (hiện con đang sống với bà C), cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007833 ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn);

(ĐÃ KÝ)

**Nguyễn Bảo Trí**